

Biểu số: 26/STNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT
ngày 08/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**HÀM LƯỢNG CÁC CHẤT
TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Năm.....

ST T	Trạm/điểm quan trắc	Mã số	Tọa độ		N- NH ₄ ⁺ (mg /l)	N- NO ₃ ⁻ (m g/l)	Colifor m (MPN/ 100 ml)	Ase n (mg /l)	Đồ ng (mg /l)	Sắt (mg /l)	Mang an (mg/l)	Th ủy ngâ n (mg /l)	Chì (mg /l)
			Ki nh độ	V ĩ đ ộ									
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Trạm/điểm quan trắc A												
2	Trạm/điểm quan trắc B												
													

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 26/STNMT. Hàm lượng các chất trong môi trường nước dưới đất

1. Phạm vi thống kê

Thống kê số liệu quan trắc hàm lượng các chất: N-NH_4^+ , N-NO_3^- , coliform, kim loại nặng (asen, đồng, sắt, mangan, thủy ngân, chì) trong môi trường nước dưới đất tại các trạm/điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi tên các trạm/điểm quan trắc;

Cột C: ghi mã số các trạm/điểm quan trắc;

Cột D, E: ghi tọa độ các trạm/điểm quan trắc (kinh độ, vĩ độ);

Cột 1 đến cột 9: ghi giá trị trung bình của các đợt quan trắc trong năm của mỗi chất N-NH_4^+ , N-NO_3^- , coliform, asen, đồng, sắt, mangan, thủy ngân, chì tương ứng với mỗi trạm/điểm quan trắc ghi ở cột B.

3. Nguồn số liệu

- Số liệu quan trắc, báo cáo tại các trạm/điểm quan trắc của các Bộ, ngành và địa phương;
- Các chương trình quan trắc chuyên đề, chương trình quan trắc của các Bộ, ngành, địa phương.